

Bản án số: 77/2018/DS-PT

Ngày: 28 - 05 - 2018

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu
hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2017/TLPT-DS ngày 20/12/2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 08 tháng 09 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70a/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Trần Đình C; địa chỉ: Xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đình L sinh năm 1965; địa chỉ: Xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Trần Đình H; địa chỉ: Xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Khắc T và ông Phan Văn C; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Đ sinh năm 1960; địa chỉ: Xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Trần Đình H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-11-2015, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14-11-2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là cụ Trần Đình C và người đại diện theo ủy quyền của cụ C là ông Trần Đình L trình bày:

Năm 1980, cụ C và vợ là Hồ Thị C (đã chết) khai hoang được một lô đất khoảng 6.000 m² tại xã Đ, huyện M. Năm 1988, vợ chồng cụ cho con trai giữa là Trần Đình L 1.563 m². Năm 1995 cho con trai út là Trần Đình P 1.690 m². Vợ chồng cụ C ở phần đất còn lại. Riêng đối với con trai đầu là Trần Đình H thì vợ chồng cụ đã cho 1 lô đất 1.000 m² tại xã Đ, huyện M.

Năm 1997, ông Trần Đình H và ông Trần Đình P đổi đất cho nhau. Theo đó, ông P nhận và sử dụng lô đất 1.000 m² ông đã cho ông H tại thôn K, còn ông H nhận và sử dụng lô đất 1.690 m² tại thôn C. Năm 2004, ông H tiến hành xây nhà trên lô đất đã nhận đổi từ ông P cạnh đất của vợ chồng cụ C.

Sau đó, ông H đã lên lút tiến hành khai man và làm giả hồ sơ để được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 978150, cấp ngày 5-12-2003, thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 21 có cả phần đất của vợ chồng cụ, nên đã yêu cầu ông H trả lại nhưng ông H không đồng ý.

Nay cụ C đề nghị Tòa án buộc ông Trần Đình H trả lại 780,43 m² đất (theo kết quả thẩm định) mà ông H đã lấn chiếm và đề nghị Tòa án hủy một phần GCNQSD đất nêu trên đối với thửa đất số 237, tờ bản đồ số 21.

- Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Trần Đình H trình bày:

Năm 1980, gia đình ông gồm cha, mẹ và các anh em (là ông H, ông L và ông P) khai hoang được một diện tích đất tại xã Đ, huyện M. Lúc đó ông là lao động chính nên việc khai hoang rất vất vả. Năm 1982 ông kết hôn với bà Trần Thị Diệu nên gia đình thống nhất ông ra ở riêng. Cha ông giao cho ông diện tích đất và nhà mà gia đình ông mua khi mới lên lập nghiệp tại xã Đ, huyện M. Còn cha ông và các em trai vẫn sinh sống Lại diện tích mà gia đình ông khai hoang tại xã Đ, huyện M.

Sau đó, ông Trần Đình L cưới vợ, cha mẹ ông cho ông L một phần đất để lập gia đình trong phần đất mà gia đình đã khai hoang. Năm 1989, theo thỏa thuận ông đã trả cho cha mẹ 3 cây vàng để ông được quyền sử dụng một phần diện tích đất thuộc diện tích gia đình đã khai hoang năm 1980 có chiều ngang là 15 m (tính theo đường Quốc lộ 19), chiều dài là hết lô đất. Năm 1994, sau khi ông P cưới vợ, cha mẹ ông cho vợ chồng ông P một cái nhà sát vách căn nhà 2

gian của gia đình được xây dựng từ năm 1986.

Đến năm 1997, vợ chồng ông P sống không hòa thuận với cha mẹ có yêu cầu vợ chồng ông hoán đổi đất cho nhau, theo đó vợ chồng ông P về ở diện tích đất tại xã Đ, huyện M, còn vợ chồng ông về ở nhà mà cha mẹ đã cho vợ chồng ông P (sát vách nhà cha mẹ) để tiện cho việc nuôi dưỡng. Việc đổi đất được cả gia đình nhất trí, không ai có ý kiến gì.

Năm 1997 được sự thống nhất của cha mẹ, vợ chồng ông xây dựng thêm khu thông phòng liền phía sau nhà 2 gian xây dựng năm 1986 của cha mẹ để tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng. Lúc đó, cha mẹ ông đều nhất trí giao cho ông quản lý toàn bộ diện tích đất và nhà mà gia đình xây năm 1986.

Năm 2001, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân trên địa bàn ông đã kê khai cả diện tích đất và căn nhà xây dựng năm 1986 để làm GCNQSD đất và được UBND huyện M cấp GCNQSD đất số: Y 978150 ngày 05-12-2003, thuộc thửa số 237 tờ bản đồ số 21, diện tích 2.775 m².

Khi ông đi làm GCNQSD thửa đất, thì có ông C cha ông cùng đi để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 16 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong cùng một đợt. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Nhà nước họp toàn dân, thực hiện công khai, rộng rãi. Cha, mẹ ông và các thành viên khác trong gia đình đều biết nhưng không có ý kiến phản đối gì.

Năm 2004 ông tiếp tục xây thêm phần nhà phía sau tiếp giáp khu thông phòng, cha mẹ ông, các thành viên khác trong gia đình cũng đều biết nhưng không ai có ý kiến gì. Mãi đến năm 2015, do có sự tác động và xúi giục bên ngoài ông C mới khởi kiện ông.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu ông trả lại 780,43 m² đất tại thôn C, xã Đ, huyện M và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 978150 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 5-12-2003 cho gia đình ông thì ông không đồng ý.

Ông H cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: Giấy xác minh từ những người làm chứng là các ông G, Trần Hùng C, Dương Đông X, Lê Đức Q và các bản sao biên lai đóng thuế sử dụng đất để chứng minh.

- Quá trình tham gia tố tụng Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện M ông Nguyễn Quốc H trình bày;

Phần đất đang tranh chấp thuộc tờ bản đồ số 21, thửa đất số 237 diện tích 2.775m² tại xã Đ, huyện M, được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 978150 cấp ngày 05- 12-2003 mang tên hộ ông Trần Đình H. Nguồn gốc ông H khai là tự khai hoang vào năm 1990 (theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất). Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện M họp đồng với đơn vị đo đạc tập trung. Trên cơ sở danh sách đăng ký của các hộ, Hội đồng đăng ký đất đai của ủy ban nhân dân xã

hợp xét, có biên bản nộp cho Ủy ban nhân dân huyện kiểm tra tổng hợp đủ điều kiện mới cấp GCNQSDĐ. Ông không nắm rõ khi làm thủ tục có lập biên bản xác nhận đất không tranh chấp với các hộ lân cận hay không. Hồ sơ đăng ký, kê khai cấp GCNQSDĐ đất trên địa bàn là đúng quy trình. Việc ủy ban nhân dân huyện M cấp GCNQSDĐ số Y 978150 ngày 05-12-2003 cho hộ ông Trần Đình H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình C thì đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

- Người làm chứng là ông G, ông Trần Hùng C, ông Dương Đông X và ông Lê Đức Q trình bày:

Trước năm 1980, gia đình ông C từ Bình Định chuyển lên và sống tại xã Đ, huyện M. Đến khoảng năm 1980, gia đình ông C khai hoang được một diện tích đất lớn ở xã Đ, huyện M và chuyển xuống đó sinh sống. Sau này việc tặng cho đất giữa các thành viên trong gia đình ông C như thế nào thì các ông không biết.

Năm 2001, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ ở xã Đ và thông báo cho người dân đi đăng ký kê khai. Sau đó cán bộ chuyên môn đến tận nơi để đo vẽ diện tích đất trên thực tế. Khi đo vẽ xong, kết quả được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã Đ để mọi người được biết và khiếu nại (nếu có). Nếu không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì thì Hội đồng đăng ký đất đai của Ủy ban nhân dân xã họp xét, có biên bản nộp cho Ủy ban nhân dân huyện M để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thời điểm đó, ông C và ông Trần Đình H đều đi làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cả ông H và ông C đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2015, ông C cũng không có khiếu nại gì, gia đình ông C và ông H vẫn chung sống hòa thuận. Thời gian gần đây mới xảy ra tranh chấp. Theo các ông nghĩ đã có sự đồng ý của ông C thì ông H mới làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như vậy.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 08 tháng 09 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, 37, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 166, 170, 203 của Luật Đất đai, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số: 01/2014/ TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2014 của Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Điều 32a Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Đình C.

- Buộc bị đơn là ông Trần Đình H trả cho nguyên đơn cụ Trần Đình C diện tích 780,43m² đất, trong đó có 118,6 m² đất ở và 661,83m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 21, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y 978150 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 5-12-2003 cho hộ ông Trần Đình H. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Trần Đình H dài 91,7m, phía Tây giáp nhà ông Trần Đình H dài 91,7m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Xuân Minh dài 8,5m; phía Bắc giáp quốc lộ 19 dài 8,6m;

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 978150 đối với thửa đất số: 237, tờ bản đồ số 21 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 5-12-2003 cho ông Trần Đình H.

Cụ Trần Đình C và ông Trần Đình H có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của mình thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 21, theo GCNQSD đất số Y 978150 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 5-12-2003 với cơ quan có thẩm quyền và đề nghị cấp GCNQSD đất theo qui định.

- Giao cho cụ Trần Đình C được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm:

Nhà thứ nhất: Nhà gác lờ xây dựng năm 1986, nền lán xi măng, tường xây gạch, trụ bê tông cốt thép, xà gỗ gỗ, mái lợp ngói, có diện tích xây dựng là 51,6m²; Nhà thứ hai: 01 tầng, tường xây gạch, xà gỗ gỗ, mái lợp tôn, diện tích 47,3m²; Nhà thứ ba: 01 tầng nền lán xi măng, tường xây gạch, xà gỗ gỗ, mái lợp tôn, diện tích 62,8m²; Sân bê tông: Bê tông đá 1x2 dày 5cm (không có lớp BT lót đá 4x6), diện tích 338,44m²; Hàng rào: Dưới xây gạch cao 0,4m, trên lưới B40, trụ xây gạch, kích thước 15,3m; Giếng đào: Sâu 22m, đường kính im; sấu riêng: 01 cây; Nhãn giống mới: 01 cây; Chuối: 2 bụi.

- Buộc ông Trần Đình H phải tháo dỡ chuồng bò trụ gỗ, xà gỗ gỗ, mái lợp tôn, diện tích 48,76m².

- Buộc cụ Trần Đình C phải thanh toán cho ông Trần Đình Hồng giá trị tài sản trên đất là 154. 107.950đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/9/2017, bị đơn ông Trần Đình H và người có nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D (vợ ông Trần Đình H) kháng cáo cho rằng: Bản án sơ thẩm hủy một phần giấy CNQSD đất và buộc vợ chồng ông phải trả lại cho cụ Trần Đình C 780,43m² đất là trái quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông. Ngày 22/9/2017, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có Quyết định số 03/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị hủy bản án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Không đưa UBND xã Đ tham gia tố tụng với tư cách là người

liên quan trong vụ án; thu thập, đánh giá chứng cứ không đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68, Điều 97 và Điều 100 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn và người liên quan không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm. Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên nội dung và yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Gia Lai và xuất trình thêm tài liệu: Biên bản xác minh ngày 09/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M tại Ngân hàng A – Chi nhánh M có nội dung: “ Ông Trần Đình H hiện đang vay vốn tại Ngân hàng A – Chi nhánh M, có thể chấp quyền sử dụng đất số 978150 ngày 05/11/2003. Tổng số tiền ông H vay tại Ngân hàng là 900.000.000 đồng, vay từ tháng 10/2017 ” và đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để giải quyết lại vụ án.

Sau khi nghe: Người kháng cáo, kiểm sát viên trình bày nội dung kháng cáo, kháng nghị; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị và tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến của các luật sư bảo vệ quyền lợi cho các đương sự. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết phúc thẩm vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý vụ án ngày 28/02/2017. Tại biên bản giao nhận chứng cứ lúc 11 giờ 05 phút ngày 04/10/2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M. Bên giao nhận chứng cứ là ông Trần Đình H thể hiện: “*Đã tiến hành giao nhận các chứng cứ sau đây ... 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 978150 đứng tên ông Trần Đình H (bản sao)*” (bl 80,81). Tại bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 978150 đứng tên ông Trần Đình H được A M – tỉnh Gia Lai xác nhận ngày 21/12/2015 với nội dung: “*Bản chính đang lưu giữ tại A M từ ngày 10/6/2015 đến ngày 09/6/2016*”. Như vậy trong thời gian Tòa án thụ lý đến ngày xét xử vụ án tranh chấp thửa đất số 237, tờ bản đồ số 21 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 978150 ngày 05/12/2003 của hộ ông Trần Đình H tại xã Đ, huyện M thì các bên không đề cập đến việc tài sản này đang thế chấp tại A M nên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không đưa Ngân hàng A – Chi nhánh M vào tham gia tố tụng với tư cách là: “Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án” là có căn cứ.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên xuất trình thêm tài liệu: Biên bản xác minh ngày 09/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M tại Ngân hàng A – Chi nhánh M có nội dung: “ Ông Trần Đình H hiện đang vay vốn tại Ngân hàng A – Chi nhánh M, có thể chấp quyền sử dụng đất số 978150 ngày 05/11/2003. Tổng số tiền ông H vay tại Ngân hàng là 900.000.000 đồng, vay từ tháng 10/2017 ” và đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để giải quyết lại vụ án. Bị đơn là ông Trần Đình H cũng thừa

nhận tài sản đang thế chấp đúng như Biên bản xác minh ngày 09/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M tại Ngân hàng A – Chi nhánh M. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết tranh chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 237, tờ bản đồ số 21 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 978150 ngày 05/12/2003 của hộ ông Trần Đình H có liên quan đến quyền lợi của Ngân hàng A – Chi nhánh M. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Đây là tình tiết mới được đưa ra ở giai đoạn phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên phải hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[3]. Do hủy Bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai; kháng cáo của ông Trần Đình H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Diệu đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

[4]. Do hủy Bản án dân sự sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vụ án nên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trần Đình H và bà Trần Thị Diệu không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Trần Đình H và bà Trần Thị Diệu.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Trần Đình H và bà Trần Thị Diệu không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trần Đình H và bà Trần Thị Diệu mỗi người

300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai số 01793 và 01792 ngày 18/9/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến